TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƠỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thêu

2. Bà Trần Thị Nụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lê Thị N** sinh năm 1998

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn LCN, xã QH, huyện QP, tỉnh TB; Địa chỉ hiện nay: Số 1035 TNT, phường VĐ, quận KA, thành phố HP; Căn cước công dân số: 040198010083 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/02/2022.

- Bị đơn: anh **Vũ Đức H** sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn LCN, xã QH, huyện QP, tỉnh TB; Hộ chiếu số: Q00286107 do Đại sứ quán của Việt Nam tại Nhật Bản cấp ngày 11/4/2023.

(Chị N, anh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn - chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Vũ Đức H tự nguyện tìm hiểu, chị đã về sống cùng gia đình anh H tại thôn LCN, xã QH, huyện QP, tỉnh TB. Ngày 04/3/2021, chị sinh con là cháu Vũ Huyền N nhưng đến ngày 24 tháng 5 năm 2022 chị và anh H mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QH. Sau khi đăng ký kết hôn, anh H sang Nhật Bản làm

việc và đến nay anh Hoàng chưa về Việt Nam. Mặc dù anh H lao động tại Nhật Bản nhưng do chị và anh H bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; từ lâu, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân rơi vào bế tắc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Đức H và yêu cầu Toà án giao cháu Vũ Huyền N, sinh ngày 04/3/2021 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn - anh Vũ Đức H trình bày: Anh và chị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tại anh đang cư trú tại Nhật Bản, còn chị N đang sinh sống ở Việt Nam; khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Anh và chị N có 01 con chung là cháu Vũ Huyền N, sinh ngày 04/3/2021. Anh và chị N tự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N, anh H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Vũ Đức H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2022, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Lời khai của chị N và anh H đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N và anh H ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Vũ Huyền N, sinh ngày 04/3/2021, tính đến nay cháu Huyền N dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cháu Huyền N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn

toàn tự nguyện nên cần ghi nhận. Sau khi ly hôn anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: cho chị Lê Thị N ly hôn anh Vũ Đức H.

[2] Về nuôi con chung:

- Giao con chung là Vũ Huyền N, sinh ngày 04/3/2021 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N không yêu cầu anh Vũ Đức H cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Vũ Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005*** ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh TB;
- UBND xã Quỳnh Hồng, huyện QP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh